

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Nhật Tân

2. Ông Lại Đức Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 16/2021/QĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Như H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: khu M (tổ 2, khu M1 cũ), thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú: xã M2, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

(Chị H, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn là chị Lê Thị Như H trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M2, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 06/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên từ khi anh T đi lao động ở Nhật Bản cho đến nay, anh T không gửi cho chị khoản tiền nào để chi dùng cho cuộc sống và nuôi con; chị còn phải thế chấp lương để trả nợ cả những khoản nợ do anh T vay mượn vì chơi lô đề trước khi đi Nhật. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ

nhưng anh T vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 8/2018, anh T đã viết Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi về cho chị ký, nộp cho Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư để giải quyết nhưng vì chưa đủ thủ tục nên Tòa án không nhận đơn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 25/02/2016. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

* Bị đơn – anh Nguyễn Văn T không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Lời khai của ông Nguyễn Văn D, địa chỉ: thôn T2, xã M2, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ anh T) thể hiện:

Trong thời gian vợ chồng anh T, chị H chung sống với nhau, anh T có biểu hiện chơi bời, nợ nần, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, anh T có gửi tiền về cho ông nhưng số tiền rất ít ỏi, mỗi lần chỉ vài triệu đồng, ông đã gửi lại cho chị H để đóng học cho con. Việc anh T có gửi tiền về cho chị H không ông không rõ, cũng không thấy chị H phàn nàn gì.

Anh T đã hết hạn hợp đồng nhưng không về nước mà vẫn ở lại Nhật Bản làm ăn, gia đình ông không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T, và không biết đến khi nào anh T về nước, gia đình ông và anh T chỉ liên lạc với nhau qua mạng xã hội Facebook.

Gia đình ông đã thông tin cho anh T biết về việc chị H xin ly hôn và động viên anh T đoàn tụ với chị H để trông nom con cái nhưng anh T không nghe và trả lời ông “*Nó muốn ly hôn thì ly hôn*”.

Nay vợ chồng anh T chị H đã mâu thuẫn, gia đình ông cũng không thể níu kéo được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T, chị H ly hôn theo quy định pháp luật.

Ông xác nhận “Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn” đề ngày 07/8/2018 là do anh T viết và ký.

Anh T và chị H có hai con chung là Nguyễn Đức T1 và Nguyễn Đức N, hiện nay đều do chị H trực tiếp chăm sóc và được bố mẹ đẻ chị H tích cực giúp đỡ nên các cháu vẫn phát triển tốt. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn thì gia đình ông và anh T cũng chấp nhận.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; xử cho chị Lê Thị Như H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Giao 02 con chung Nguyễn Đức T1, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 25/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: không đặt ra giải quyết; chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Như H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M2, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 06/4/2013 – đây là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị H và lời khai của ông Nguyễn Văn D là bố đẻ anh T đều thể hiện vợ chồng đã mâu thuẫn kéo dài, do anh do anh T chơi bời, nợ nần; thiếu trách nhiệm với vợ con; việc vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được; năm 2018, vợ chồng đã viết đơn thuận tình ly hôn. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H, mặc dù anh T đã biết được việc chị H xin ly hôn nhưng anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không bày tỏ mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh T ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 25/02/2016, hiện nay đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T hiện đang lao động ở nước ngoài; vì vậy cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: chị H không yêu cầu Tòa án chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Như H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Đức T1, sinh ngày 19/8/2013 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 25/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Như H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009803 ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã M2,
- huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh